

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/DS-ST.

Ngày: 10-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thắng

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2024/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê S, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà E Khóm D, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Bà Đoàn H, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn T, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê N, sinh năm 1961 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Lê T1, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà E Khóm D, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 23/5/2024, đơn khởi kiện bổ sung lập ngày 15/7/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê S trình bày:

Nguyên ngày 25/9/2021 ông có đưa tiền cho bà Nguyễn T, địa chỉ thường trú tại Khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nhưng chỗ ở tại Khóm C, phường A, thị xã N, số tiền 350.000.000 đồng để cho bà T cho người khác vay lại, lấy lãi, bà T có viết biên nhận ngày 25/9/2021 vào cuốn sổ tay của ông. Sau đó bà T có đưa tiền của ông cho bà Đoàn H, khi bà T đưa tiền cho bà Đoàn H rồi thì ông không chịu cũng không được. Lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, từ lúc vay tiền đến ngày bà Đoàn H làm tờ giao kèo ngày 27/3/2023 dương lịch còn nợ ông số tiền là 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*). Sau khi cho vay tiền, bà H là người đóng lãi cho ông, có khi đến tháng bà H không có đóng lãi cho ông thì bà T cũng có đưa tiền lãi cho ông để chi xài, sau đó bà H có đưa lại tiền lãi cho bà T hay không thì ông không biết nhưng lãi đóng đủ, đến ngày 27/3/2023 dương lịch còn nợ tiền lãi là 24.900.000 đồng. Sau khi vay tiền thì con dâu của bà H có gửi trả cho ông số tiền vốn gốc hai lần, cụ thể ngày 11/5/2022 trả 50.000.000 đồng, ngày 17/5/2022 dương lịch trả 30.000.000 đồng. Sau đó bà T còn ghi vào sổ tay của ông để “Tổng cộng vốn 270 000 Hai trăm bảy chục triệu 25 6 DL – 27.5 AL 1 tháng lời 5400”.

Trước đây ông có yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc bà T cùng vợ chồng bà H, ông N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền vốn còn nợ 235.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn T về việc trả nợ vay và lãi suất. Chỉ yêu cầu vợ chồng bà H, ông N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền vốn vay 235.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) và lãi suất từ ngày 27/3/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,66%/tháng.

2/ Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Đoàn H trình bày:

Bà thống nhất tờ giao kèo lập ngày 27/3/2023 dương lịch ông S cung cấp là do bà ký tên vào tờ cam kết, chốt lại khoảng nợ đến ngày 27/3/2023 dương lịch bà còn nợ ông S số tiền vay vốn gốc là 270.000.000 đồng cùng lãi tồn 24.900.000 đồng như nội dung tờ giao kèo. Bà hỏi mượn tiền của ông S thông qua sự giới thiệu của bà T do trước đây bà thiếu hụt tiền đều qua lại tiền bạc với bà T từ rất lâu, bà hỏi vay số tiền của ông S cũng khoảng năm 2020 trước dịch đến nay, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Bà hỏi tiền cũng để bổ sung vốn kinh doanh nhưng do kinh doanh thất bại, bà cũng có nói thiếu tiền ông S cho ông N chồng bà nghe nhưng ông N không biết rõ bà thiếu nào nhiêu tiền.

Sau khi chốt tờ giao kèo thì bà có trả dần cho ông N số tiền vốn gốc là 35.000.000 đồng, trả ngày cuối cùng là 12.5.2024 dương lịch. Chốt đến ngày 12.5.2024 dương lịch bà còn nợ ông Lê S vốn gốc 235.000.000 đồng. Vợ chồng bà đồng ý trả cho ông S số tiền vốn và lãi theo yêu cầu của ông S nhưng xin trả dần vốn gốc mỗi tháng 5.000.000 đồng do bà hiện đang quá khó khăn.

3/ Tại phiên hòa giải lập ngày 01/8/2024 bị đơn bà Nguyễn T trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê S buộc bà cùng chồng bà H, ông N có trách nhiệm liên đới trả tiền cho ông S số tiền vốn gốc 235.000.000 đồng và lãi phát sinh vì bà chỉ giới thiệu bà H cho ông S biết để ông S cho vay tiền. Ông S nói với bà bán đất có dư tiền, có biết ai cho tiền thì ông đưa tiền cho bà để bà cho tiền người khác lãi suất 3%/tháng, còn ông S lấy lãi suất của bà là 2%/tháng. Bà H có nói kẹt tiền nên bà mới hỏi ông S số tiền bán đất còn không để cho bà H vay, bà giới thiệu bà H cho ông S, hai bên giao nhận tiền với nhau có sự chứng kiến của bà, vay lãi suất 2% tôi không lấy lời gì hết. Bà cũng không biết tại sao lại ghi biên nhận ngày 25/9/2021 cho ông S vì bà không có nhận tiền mà chứng kiến giữa ông S và bà H giao nhận tiền vay thì có. Sau khi vay tiền thì ông S lấy tiền lãi chỗ bà H đóng, có khi đến tháng bà H không đóng lãi thì bà còn đưa tiền của bà cho vợ chồng ông S để trang trải, chứ bà không có lấy lời. Đến sau đó ông S làm nhà mỗ gì đó mới cần tiền, bà mới điện thoại cho bà H hỏi sao thì bà H kêu bà đến tiệm vàng K hỏi số tiền 100.000.000 đồng để đưa trả cho vợ chồng S số tiền vốn là 50.000.000 đồng và tiền lãi hơn 40.000.000 đồng, tổng số tiền đưa cho vợ ông S hơn chín mươi mấy triệu, bà H nói còn vài triệu để trả lãi cho bà nhưng sau đó bà H còn không trả tiền, bà còn phải xuất tiền ra trả cho tiệm vàng K.

Số tiền này bà khẳng định là nợ của bà H, không có liên quan đến bà, còn sổ ông Sết bà có ghi “Tổng cộng vốn 270 000 Hai trăm bảy chục triệu 25 6 DL – 27.5 AL 1 tháng lời 5400” là do vợ ông S kêu bà tính dùm coi còn bao nhiêu tiền để vợ chồng ông S tính biên nhận với bà H.

4/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê T1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chồng bà là ông Lê S. Không có trình yêu cầu gì bổ sung.

5/ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt và vắng mặt nhưng có người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS, bị đơn bà T vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê S buộc bà Đoàn H cùng ông Lê N có trách nhiệm liên đới trả cho ông S số tiền vốn vay 235.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi suất từ ngày 27/3/2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,66%/tháng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê S về việc yêu cầu bà Nguyễn T cùng vợ chồng bà H, ông N có trách nhiệm liên đới trả tiền vốn và lãi cho ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện ủy quyền tham gia nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn ông S rút lại một phần đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn T về việc trả nợ vay và lãi suất. Nhận thấy việc rút một phần đơn kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của BLTTDS chấp nhận và đình chỉ xét xử về việc yêu cầu bà T trả nợ.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn ông Lê S yêu cầu bà Đoàn H và ông Lê N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền vốn còn nợ 235.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng*) và lãi phát sinh từ ngày 27/3/2023 dương lịch đến nay theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Bị đơn bà H thống nhất còn nợ ông Sết số tiền vốn vay là 235.000.000 đồng và lãi suất.

[3.1] Tại phiên tòa ông S và bà H thống nhất vợ chồng bà H còn nợ ông S số tiền vốn vay 235.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 27/3/2023 dương lịch đến nay theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Đây là những tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

[3.2] Theo tờ giao kèo lập ngày lập ngày 27/3/2023 dương lịch bà H hứa sẽ trả cho ông S số tiền vốn 100.000.000 đồng vào ngày 27/6/2023 dương lịch và hứa sẽ trả vốn lãi tiếp theo nhưng đến thời hạn đã hứa bà H không trả nợ đúng thời hạn cho nên ông S yêu cầu khởi kiện buộc bà H trả số tiền vốn 235.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Các bên thống nhất tính lãi suất từ ngày 27/3/2023 dương lịch đến nay theo mức lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền 235.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 01 năm 05 tháng 14 ngày, số tiền lãi được tính là 68.137.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

[3.4] Xét yêu cầu liên đới chịu trách nhiệm trả nợ: Bà H hỏi vay tiền của ông S sử dụng vào việc kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình, bà H cũng đại diện hợp pháp cho ông N tham gia tại phiên tòa hôm nay đồng ý trả nợ cho ông S, nên ông N phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Hường trả nợ cho ông Sết.

[3.5] Từ những phân tích trên thì vợ chồng bà H, ông N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông S số tiền vốn vay 235.000.000 đồng và lãi suất 68.137.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 303.137.000 đồng (Ba trăm lẻ ba triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

[4] Xét yêu cầu trả dần: Bị đơn bà H xin trả dần số tiền nợ nhưng không được nguyên đơn ông S chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S được chấp nhận nên ông Sết không phải chịu án phí và ông S được miễn tiền tạm ứng án

phí nên không xem xét việc hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Bà H và ông N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, buộc bà H và ông N phải chịu án phí số tiền được tính như sau: $303.137.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.157.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa hoàn toàn có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 280; 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê S về việc yêu cầu bà Đoàn H và ông Lê N trả nợ vay.

Buộc bà Đoàn H và ông Lê N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê S số tiền vốn vay là 235.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng*) và lãi suất 68.137.000 đồng (*Sáu mươi tám triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn đồng*), tổng số tiền phải trả là 303.137.000 đồng (*Ba trăm lẻ ba triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê S không phải chịu án phí.

Bà Đoàn H và ông Lê N phải cùng liên đới chịu án phí số tiền là 15.157.000 đồng (*Mười lăm triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

3/ Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của ông Lê S về việc yêu cầu bà Nguyễn T có trách nhiệm liên đới với vợ chồng bà Đoàn H trả số tiền nợ vay và lãi suất.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

5/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng